

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 78/2025/TT-NHNN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

“Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 1A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 1B kèm theo Thông tư này);

b) Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính;

c) Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh sử dụng vốn huy động từ khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế;

d) Hợp đồng vay nước ngoài đã ký hoặc các hợp đồng liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế (theo cấu trúc đợt phát hành).

2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế, bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng đại diện bên cho vay) hoặc đại diện bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng đại diện bên cho vay, đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (giá trị khoản vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do;

c) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế.”.

Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4

“Điều 4a. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

1. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Thông tư này là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế đặt trụ sở chính.

2. Trường hợp thay đổi trụ sở chính của bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế sang địa bàn tỉnh, thành phố khác, thay đổi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế sang doanh nghiệp có trụ sở chính thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế đến cơ quan có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính mới theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế lần gần nhất phối hợp cung cấp thông tin, chuyển hồ sơ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xử lý. Việc chuyển hồ sơ (bản gốc hoặc bản sao điện tử) thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

Điều 3. Thay thế cụm từ, Phụ lục

1. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối)” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế đặt trụ sở chính” tại Điều 5.

2. Thay thế Phụ lục 1A, Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục 1A, Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 37/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI NỢ BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 78/2025/TT-NHNN

Điều 4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5

“Điều 5a. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế

1. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài:

a) Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối: đối với các khoản cho vay có số tiền cho vay theo thỏa thuận trên 10 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương);

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên cho vay đặt trụ sở chính: đối với các khoản cho vay có số tiền cho vay theo thỏa thuận đến 10 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương).

2. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh quy định tại Thông tư này là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên bảo lãnh đặt trụ sở chính.

3. Trường hợp việc thay đổi tăng hoặc giảm số tiền cho vay theo thỏa thuận, thay đổi đồng tiền cho vay, thay đổi trụ sở chính của bên cho vay, thay đổi bên cho vay sang doanh nghiệp có trụ sở chính thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bên cho vay có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay nước ngoài đến cơ quan có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính mới theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài lần gần nhất phối hợp cung cấp thông tin, chuyển hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xử lý. Việc chuyển hồ sơ (bản gốc hoặc bản sao điện tử) thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

4. Tỷ giá sử dụng để xác định cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố áp dụng tại thời điểm ký các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài hoặc thỏa thuận thay đổi của khoản cho vay ra nước ngoài liên quan đến số tiền cho vay theo thỏa thuận lần gần nhất.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12

“Điều 12. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế

1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho tổ chức kinh tế bảo lãnh cho người không cư trú, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này trừ

trường hợp Bên bảo lãnh hoàn thành việc thu hồi toàn bộ nghĩa vụ nợ bảo lãnh trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội dung chính sau: bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh; bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14

“Điều 14. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 4 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”.

Điều 7. Thay thế cụm từ, Phụ lục

1. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối)” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên cho vay đặt trụ sở chính” tại khoản 1 Điều 18.

2. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối)” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên bảo lãnh đặt trụ sở chính” tại khoản 1, khoản 2 Điều 19.

3. Thay thế cụm từ “Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối” và cụm từ “Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại Điều 23.

4. Thay thế Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 10/2016/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2015/NĐ-CP NGÀY 31/12/2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“b) Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ là 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi lấy ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

“c) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15

“2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

a) Ngân hàng thương mại có nhu cầu thực hiện hoạt động nhận ủy thác nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Ngân hàng Nhà nước.

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ là 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng điều kiện giải quyết, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 10. Thay thế một số cụm từ

1. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý ngoại hối” bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” tại phần căn cứ ban hành, Điều 29, Điều 31, Điều 38.

2. Thay thế cụm từ “Vụ trưởng” bằng cụm từ “Cục trưởng” tại phần căn cứ ban hành, Điều 38.

3. Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” tại Điều 31.

4. Thay thế cụm từ “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các Khu vực” tại Điều 38.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 39/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VIỆC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối xem xét, quyết định cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện như sau:

a) Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong các trường hợp sau:

a.1) Tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài ngắn hạn;

a.2) Tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài phải đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo quy định hiện hành hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp và có số tiền vay theo thỏa thuận trên 20 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương);

a.3) Tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện nhiều khoản vay nước ngoài trong đó có khoản vay nước ngoài có số tiền vay theo thỏa thuận trên 20 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương);

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp việc thay đổi tăng hoặc giảm số tiền vay, thay đổi đồng tiền vay, thay đổi trụ sở chính của tổ chức, thay đổi tổ chức sang doanh nghiệp có trụ sở chính thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác làm thay đổi thẩm quyền cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này:

c.1) Tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính mới theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

c.2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép lần gần phối hợp cung cấp thông tin, chuyển hồ sơ có liên quan đến tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xử lý. Việc chuyển hồ sơ (bản gốc hoặc bản sao điện tử) thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

d) Tỷ giá sử dụng để xác định cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố áp dụng tại thời điểm ký các thỏa thuận vay nước ngoài hoặc thỏa thuận thay đổi của khoản vay nước ngoài liên quan đến số tiền vay.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9

“1. Các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12

“1. Tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép, lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 16

“3. Ngân hàng Nhà nước gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho tổ chức để thực hiện; sao gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và tổ chức tín dụng được phép nơi tổ chức thực hiện chuyển tiền sang tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài để phối hợp quản lý, theo dõi.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:

- a) Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước;
- b) Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;
- c) Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 17

“1. Trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối:

- a) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức theo thẩm quyền;
- b) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức;
- c) Theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

- a) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức theo thẩm quyền;
- b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với hoạt động mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của các tổ chức trên địa bàn theo thẩm quyền;
- c) Tiếp nhận, theo dõi tình hình thực hiện báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức trên địa bàn theo thẩm quyền;
- d) Đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức trên địa bàn chấp hành chế độ báo cáo theo thông tư này.”

Điều 16. Thay thế Phụ lục

Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN bằng Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ
26/2021/TT-NHNN HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH NGOẠI TỆ GIỮA
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG
ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI****Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 6****“Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch
ngoại tệ**

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép về việc đồng ý hoặc không đồng ý thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ (trường hợp không đồng ý, ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi hoặc bổ sung, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép trong vòng 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ. Tổ chức tín dụng được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ và gửi đến Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.”

Chương VI**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 18. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.
2. Bãi bỏ Điều 2, khoản 3 Điều 4, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 16 và Điều 19 Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, khoản cho vay ra nước ngoài và khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế đã được xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi được xác định theo Thông tư số 22/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 78/2025/TT-NHNN và Thông tư số 37/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 78/2025/TT-NHNN.

2. Trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đã nộp hồ sơ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục

xem xét xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, Cục QLNH (03).

KT **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Phạm Thanh Hà



PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11.../TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 1A	Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh
Phụ lục 1B	Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh
Phụ lục 2A	Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh
Phụ lục 2B	Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

Phụ lục 1A

TÊN BÊN ĐI VAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đăng ký khoản vay nước
ngoài được Chính phủ bảo lãnh

Tỉnh, Thành phố, ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH**

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh và các thông tư sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../...;
- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày/...../.....;

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ BÊN ĐI VAY

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:
4. Loại hình bên đi vay⁽¹⁾:
5. Địa chỉ:
6. Điện thoại:
- Email:
7. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN KHOẢN VAY

1. Thông tin về bên cho vay

- 1.1 Tên bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay) ⁽²⁾:
- 1.2. Quốc gia của bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):
- 1.3. Loại hình bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):

2. Thông tin về các bên liên quan khác:

- 2.1. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:
Địa chỉ ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

2.2. Bên bảo lãnh khác:

+ Bảo lãnh bởi người cư trú:

+ Bảo lãnh bởi người không cư trú:

Quốc gia:

2.3. Bên liên quan khác⁽³⁾:

3. Mục đích vay

- 3.1. Mục đích vay⁽⁴⁾:
- 3.2. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng:
- 3.3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mục đích vay:

4. Ngày ký Thỏa thuận vay nước ngoài:

5. Giá trị khoản vay:

- Giá trị bằng số:
- Giá trị bằng chữ:

6. Đồng tiền thực hiện khoản vay:

- 6.1. Đồng tiền nhận nợ:
- 6.2. Đồng tiền rút vốn:
- 6.3. Đồng tiền trả nợ:

7. Hình thức vay:

8. Thời hạn vay:

9. Lãi suất vay⁽⁵⁾:

10. Các loại phí:

11. Lãi phạt:

12. Kế hoạch rút vốn:
13. Kế hoạch trả nợ gốc:
14. Kế hoạch trả nợ lãi:
15. Các biện pháp bảo đảm (nếu có):
16. Ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm:
17. Dự kiến giá trị khoản giải ngân bằng ngoại tệ sẽ được bán cho TCTD được phép: (% khoản vay)
18. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: (% khoản vay)
19. Các nội dung khác (nếu có):

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐI VAY

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Hướng dẫn điền Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài:

(1) Chọn loại hình bên đi vay theo phân tổ sau:

- Đối với khối doanh nghiệp (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

+ Khối doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (SOE); doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ (S50).

+ Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% đến 100% vốn điều lệ (F51); Doanh nghiệp có từ 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (F10).

+ Khối doanh nghiệp khác: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Doanh nghiệp khác (KHA)

- Đối với khối tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Khối ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân hàng liên doanh, ngân hàng thương mại có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trên 50% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (FFI).

+ Khối tổ chức tín dụng có vốn nhà nước: Tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (SFI)

+ Khối tổ chức tín dụng khác: OFI

(2) Ghi chính xác tên bên cho vay. Trường hợp khoản vay hợp vốn không có đại diện các bên cho vay (hoặc đại diện các bên cho vay không chịu trách nhiệm nhận tiền/chuyển tiền với bên đi vay), ghi rõ các thông tin tại mục này đối với từng bên cho vay, ghi chú bên cho vay chiếm đa số. Trường hợp khoản vay hợp vốn có đại diện các bên cho vay và đại diện bên cho vay sẽ chịu trách nhiệm làm đầu mối thanh toán chuyển tiền liên quan đến khoản vay (các bên cho vay cụ thể không trực tiếp chuyển tiền/nhận tiền với bên đi vay): ghi các thông tin của bên đại diện các bên cho vay. Trường hợp khoản vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không ghi danh, các thông tin về bên cho vay được thay thế bằng các thông tin về bên làm đại lý phát hành, đại lý ủy thác,... tùy theo cấu trúc phát hành

(3) Chỉ liệt kê các bên liên quan mà các dòng chuyển tiền giữa bên đi vay và các bên liên quan này. Trường hợp có các đại lý nhưng không có dòng tiền chuyển trực tiếp đến các bên đại lý đó thì không nêu tại mục này. Lưu ý các bên liên quan có thể là các doanh nghiệp được chia, tách từ bên đi vay ban đầu nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện khoản vay theo thỏa thuận về trách nhiệm liên đới giữa bên cho vay và các bên được chia, tách từ bên đi vay ban đầu.

(4) Trường hợp mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định

về đầu tư; ... Trường hợp mục đích vay để tăng quy mô vốn theo phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: ghi phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: ghi phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

⁽⁵⁾ Ghi rõ mức lãi suất hoặc cách tính lãi, các tham chiếu cụ thể (nếu có).

Phụ lục 1B

TÊN BÊN ĐI VAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đăng ký khoản phát hành trái
phiếu quốc tế được Chính phủ
bảo lãnh

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh và các thông tư sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../...;
- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày/...../.....;

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ BÊN ĐI VAY, BÊN CHO VAY VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về bên đi vay (là tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:
4. Loại hình bên đi vay⁽¹⁾:
5. Địa chỉ:

6. Điện thoại:

Email:

7. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

8. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật)

II. Thông tin về đại diện bên cho vay (trường hợp Bên đi vay lựa chọn cấu trúc phát hành có đơn vị đại diện các trái chủ nước ngoài)

1. Tên đại diện bên cho vay ⁽²⁾:

2. Quốc gia:

3. Loại hình đại diện bên cho vay:

III. Thông tin về các bên liên quan:

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng tổ chức bảo lãnh phát hành nếu có nhiều đơn vị cùng bảo lãnh phát hành):

2. Các đại lý có liên quan (ghi rõ tên, địa chỉ của từng Đại lý liên quan đến đợt phát hành như Đại lý niêm yết, Đại lý ủy thác, Đại lý thanh toán, Đại lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ...):

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.1. Tên, địa chỉ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.2. Số tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

4. Các bên liên quan khác trong trường hợp có phát sinh dòng tiền ⁽³⁾ (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan):

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

1. Tổng trị giá phát hành:

2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của Bên đi vay sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt liên quan theo quy định của pháp luật ⁽⁴⁾):

3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:

4. Thời điểm phát hành:

5. Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành:

6. Các văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành (nêu rõ các văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế):

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổng giá trị danh nghĩa phát hành

1.1. Bảng số:

1.2. Bảng chữ:

2. Tổng số tiền thực nhận:

2.1. Bảng số:

2.2. Bảng chữ:

3. Ngày phát hành:

4. Ngày đáo hạn:

5. Lãi suất ⁽⁵⁾:

6. Các loại phí liên quan đến đợt phát hành (đề nghị nêu rõ tên từng loại phí, mức phí hoặc cách tính phí, ngày thanh toán hoặc kế hoạch thanh toán...):

7. Điều kiện bảo lãnh:

8. Điều kiện về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền (nếu có):

8.1. Thời gian chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

8.2. Điều kiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

9. Kế hoạch thu tiền bán trái phiếu:

10. Kế hoạch thanh toán (gốc, lãi, phí) trái phiếu:

11. Các điều kiện khác (nếu có) :

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN ĐI VAY**

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Hướng dẫn điền Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

(1) Chọn loại hình bên đi vay theo phân tổ sau:

- Đối với khối doanh nghiệp (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

+ Khối doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (SOE); doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ (S50).

+ Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% đến 100% vốn điều lệ (F51); Doanh nghiệp có từ 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (F10).

+ Khối doanh nghiệp khác: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Doanh nghiệp khác (KHA)

- Đối với khối tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Khối ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân hàng liên doanh, ngân hàng thương mại có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trên 50% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (FFI).

+ Khối tổ chức tín dụng có vốn nhà nước: Tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (SFI)

+ Khối tổ chức tín dụng khác: OFI

(2) Ghi chính xác tên bên cho vay. Trường hợp khoản vay hợp vốn không có đại diện các bên cho vay (hoặc đại diện các bên cho vay không chịu trách nhiệm nhận tiền/chuyển tiền với bên đi vay), ghi rõ các thông tin tại mục này đối với từng bên cho vay, ghi chú bên cho vay chiếm đa số. Trường hợp khoản vay hợp vốn có đại diện các bên cho vay và đại diện bên cho vay sẽ chịu trách nhiệm làm đầu mối thanh toán chuyển tiền liên quan đến khoản vay (các bên cho vay cụ thể không trực tiếp chuyển tiền/nhận tiền với bên đi vay): ghi các thông tin của bên đại diện các bên cho vay. Trường hợp khoản vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không ghi danh, các thông tin về bên cho vay được thay thế bằng các thông tin về bên làm đại lý phát hành, đại lý ủy thác,... tùy theo cấu trúc phát hành

(3) Chi liệt kê các bên liên quan mà các dòng chuyển tiền giữa bên đi vay và các bên liên quan này. Trường hợp có các đại lý nhưng không có dòng tiền chuyển trực tiếp đến các bên đại lý đó thì không nêu tại mục này. Lưu ý các bên liên quan có thể là các doanh nghiệp được chia, tách từ bên đi vay ban đầu nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện khoản vay theo thỏa thuận về trách nhiệm liên đới giữa bên cho vay và các bên được chia, tách từ bên đi vay ban đầu.

(4) Trường hợp mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định về đầu tư;... Trường hợp mục đích vay để tăng quy mô vốn theo phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: ghi phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: ghi phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Ghi rõ mức lãi suất hoặc cách tính lãi, các tham chiếu cụ thể (nếu có).

Phụ lục 2A

TÊN BÊN ĐI VAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
*V/v đăng ký thay đổi khoản vay
mức ngoài được Chính phủ
bảo lãnh*

Các tỉnh, TP, ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh và các thông tư sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày/...../..... và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

I. Bên đi vay (là tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên bên đi vay:

2. Mã số thuế:

3. Mã định danh của tổ chức:

4. Số, ngày của văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước:

5. Số, ngày của (các) văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước (liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi - nếu có):

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI

TT	Tên nội dung	Nội dung hiện tại	Nội dung thay đổi	Lý do thay đổi (*)
1				
2				

*** Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận thay đổi đối với mỗi nội dung thay đổi (nếu có).**

III. KIẾN NGHỊ

[Tên bên đi vay] đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [Tên bên đi vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.

IV. CAM KẾT:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN ĐI VAY**

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch (hoặc địa chỉ nhận công văn):

Phụ lục 2B

TÊN BÊN ĐI VAY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

*V/v đăng ký thay đổi khoản phát
hành trái phiếu quốc tế được
Chính phủ bảo lãnh*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH**

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh và các thông tư sửa đổi bổ sung;

- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày/...../..... và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của bên đi vay như sau:

I. BÊN VAY:

1. Tên bên đi vay:

2. Mã số thuế:

3. Mã định danh của tổ chức:

4. Số, ngày của văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của Ngân hàng Nhà nước:

5. Số, ngày của (các) văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của Ngân hàng Nhà nước (liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi - nếu có):

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI

1. Thay đổi 1¹:

- Nội dung hiện tại:

- Nội dung thay đổi:

Lý do thay đổi :

2. Thay đổi n²:

** Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận thay đổi đối với mỗi nội dung thay đổi (nếu có).*

III. GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ THỎA THUẬN THAY ĐỔI⁽³⁾(*)

.....

IV. KIẾN NGHỊ:

[Tên bên đi vay]đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận..... [Tên bên đi vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN ĐI VAY**

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách: :

Điện thoại:

Email::

Địa chỉ giao dịch (hoặc địa chỉ nhận công
văn)::

Hướng dẫn điền Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

(1) Ghi rõ nội dung cần thay đổi, ví dụ:

1. Thay đổi bên cho vay:

- Bên cho vay hiện tại:

.....

- Bên cho vay thay đổi:

.....

(2) Trường hợp thay đổi kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ mà các thỏa thuận vay không nêu rõ kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ thay đổi, căn cứ vào kế hoạch sản

xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của bên đi vay phù hợp với thỏa thuận vay, bên đi vay chủ động ghi kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ dự kiến chi tiết theo tháng hoặc quý hoặc 6 tháng hoặc năm.

Trường hợp có nhiều nội dung thay đổi, bên đi vay ghi rõ từng nội dung cần thay đổi tương tự như hướng dẫn nêu trên.

⁽³⁾ Ghi rõ 1 trong 2 lựa chọn nội dung sau:

- Các bên có ký thỏa thuận sửa đổi

- Các bên không ký thỏa thuận sửa đổi do nội dung thay đổi đã được thỏa thuận nguyên tắc tại Thỏa thuận vay đã ký (*nêu rõ Điều/khoản Tên Thỏa thuận, ngày ký thỏa thuận chứa đựng nội dung sửa đổi*)



PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số **47** /2026/TT-NHNN ngày **19** tháng **5** năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 1	Đơn đăng ký cho vay ra nước ngoài
Phụ lục số 2	Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài
Phụ lục số 3	Đơn đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh
Phụ lục số 4	Đơn đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh
Phụ lục số 5	Báo cáo tình hình cho vay, thu hồi nợ nước ngoài
Phụ lục số 6	Báo cáo khoản bảo lãnh cho người không cư trú
Phụ lục số 7	Báo cáo tình hình bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú

Phụ lục số 1

TÊN BÊN CHO VAY **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

V/v đăng ký khoản cho vay
ra nước ngoài

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày .../.../...

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [Tên Bên vay] ngày .../.../....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày//..... (nếu có)

[Tên Bên cho vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ BÊN CHO VAY:

1. Tên bên cho vay:
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:
5. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
6. Mã số thuế:

II: THÔNG TIN VỀ KHOẢN CHO VAY (*)

1. Tên Bên vay nước ngoài: Quốc gia:
2. Tổng trị giá khoản cho vay:
3. Ngày ký Thỏa thuận cho vay:
4. Mục đích sử dụng vốn vay:
5. Lãi suất:
6. Các khoản phí:

1M

7. Lãi phạt:
8. Thời hạn cho vay:
9. Kế hoạch giải ngân:
10. Kế hoạch thu hồi nợ lãi:
11. Kế hoạch thu hồi nợ gốc:
12. Các biện pháp bảo đảm của khoản cho vay:
13. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản:
 - Tên ngân hàng:
 - Địa chỉ giao dịch:

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên cho vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay ra nước ngoài của [*Tên bên cho vay*].

2/ [*Tên bên cho vay*] cam kết tuân thủ các quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối, Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN CHO VAY
(*Ký tên, đóng dấu*)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

—
✓
✓
=

9

Phụ lục số 2

TÊN BÊN CHO VAY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

V/v đăng ký thay đổi khoản
cho vay ra nước ngoài

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với các nội dung thay đổi sốngày .../.../.... (nếu có)

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày .../.../....

Căn cứ vào Thỏa thuận thay đổi cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày .../.../.....

Căn cứ Thư bảo lãnh ngày .../.../..... (nếu có)

Căn cứ vào văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số/NHNN-QLNH ngày .../.../.....;

[*Tên Bên cho vay*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về việc thay đổi một số nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

I. CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI: Cho chọn nhiều nội dung thay đổi

1. [Nội dung thay đổi 1]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do Thay đổi:

2. [Nội dung thay đổi 2]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới

Lý do Thay đổi:

3. [Nội dung thay đổi n]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

II. GIẢI TRÌNH:

- Nội dung giải trình đối với trường hợp không có thỏa thuận thay đổi:
- Nội dung giải trình đối với trường hợp không có văn bản nêu ý kiến chấp thuận của bên bảo lãnh đối với các nội dung thay đổi trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài được bảo lãnh bởi một bên thứ ba:

III. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT:

1/ Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [*Tên Bên cho vay*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.

T/ Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của Bên cho vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay ra nước ngoài của [*Tên Bên cho vay*].

3/ [*Tên Bên cho vay*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số/..../TT-NHNN ngày/..../... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh Ngoại hối và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Phụ lục số 3

TÊN BÊN BẢO LÃNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

V/v đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN THU HỒI NỢ BẢO LÃNH

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày .../.../...

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày .../.../....., Thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [*Tên Bên được bảo lãnh*] ngày .../.../.....

[*Tên Bên bảo lãnh*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản thu hồi nợ bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên bảo lãnh:

1. Tên Bên bảo lãnh:

2. Loại hình tổ chức:

3. Địa chỉ:

4. Điện thoại:

Email:

5. Họ và tên Người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền):

6. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số do cấp ngày

II. Thông tin về Bên được bảo lãnh:

1. Tên Bên được bảo lãnh:

2. Quốc tịch:

3. Loại hình tổ chức:

4. Một số thông tin liên quan khác:

- Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:

- Tổng vốn đầu tư theo Giấy phép thành lập Bên được bảo lãnh (nếu có):

- Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp nước ngoài (trong trường hợp Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp do Bên bảo lãnh tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp).

II. Thông tin về Bên nhận bảo lãnh:

1. Tên Bên nhận bảo lãnh:
2. Quốc tịch:
3. Loại hình tổ chức:
4. Một số thông tin liên quan khác (nếu có):

III. Thông tin về các Bên liên quan khác (nếu có)

Ghi rõ tên, địa chỉ, loại hình của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN BẢO LÃNH

1. Mục đích bảo lãnh:
2. Dự án, phương án liên quan đến khoản bảo lãnh:
3. Ngày bắt đầu có hiệu lực bảo lãnh:
4. Số tiền bảo lãnh:
5. Đồng tiền bảo lãnh:
6. Hình thức bảo đảm (nếu có):

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN THU HỒI NỢ

1. Hạn mức bảo lãnh:
2. Số tiền đã thực hiện bảo lãnh:
3. Ngày thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:
4. Số tiền thu hồi nợ:
5. Các văn bản phê duyệt khoản bảo lãnh (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).
6. Các thỏa thuận liên quan (Thỏa thuận bảo lãnh, Thỏa thuận ...)
7. Lãi suất khoản thu hồi nợ:
8. Lãi phạt:
9. Thời hạn thu hồi nợ: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)
10. Kế hoạch thu hồi nợ:
11. Hình thức đảm bảo khác có liên quan (nếu có):
12. Tên tổ chức tín dụng được phép:

PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của Bên bảo lãnh) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của [*Tên Bên bảo lãnh.*]

2/ [*Tên Bên bảo lãnh*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số /.../TT-NHNN ngày .../.../.... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BẢO LÃNH
(*Ký tên, đóng dấu*)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Phụ lục số 4

TÊN BÊN BẢO LÃNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

*V/v đăng ký thay đổi khoản thu
hồi nợ bảo lãnh cho người
không cư trú*

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN THU HỒI NỢ BẢO LÃNH

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ văn bản số ngày .../.../.... của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về các nội dung thay đổi [*áp dụng với khoản bảo lãnh của tổ chức kinh tế*] (nếu có).

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày .../.../.....,

Thỏa thuận thay đổi thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [*Tên Bên được bảo lãnh*] ngày.../.../...

Căn cứ vào (các) Văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của Ngân hàng Nhà nước số .../.../...-QLNH ngày .../.../.....;

[*Tên Bên bảo lãnh*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước về khoản thu hồi nợ bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. [Nội dung thay đổi]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do thay đổi:

2. [Nội dung thay đổi]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

3. Lý do thay đổi:

PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [*Tên Bên bảo lãnh*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản thu hồi nợ bảo lãnh tại Ngân hàng Nhà nước.

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của Bên bảo lãnh) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của [*Tên Bên bảo lãnh*].

2/ [*Tên Bên bảo lãnh*] cam kết tuân thủ các quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối, Thông tư số 37/2013/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BẢO LÃNH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:



Tổng cho vay bằng [ngoại tệ]									
Tổng cho vay bằng [ngoại tệ] quy USD									
Tổng cho vay quy USD									

III/ Dự kiến tình hình thực hiện

Đơn vị: Nghìn nguyên tệ

STT	Bên vay	Kim ngạch cho vay	Đồng tiền	Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (nguyên tệ)			Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (quy USD)		
				Giải ngân	Thu hồi nợ gốc	Thu hồi nợ lãi	Giải ngân	Thu hồi nợ gốc	Thu hồi nợ lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng Quy USD						xxx	xxx	Xxx

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(ký, ghi rõ họ tên)

, ngày tháng năm
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TCKT**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU

Hướng dẫn chung

1. Đối tượng báo cáo: Tổ chức kinh tế cho vay
2. Thời hạn báo cáo: chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo
3. Đơn vị báo cáo: Nghìn nguyên tệ hoặc quy nghìn USD
4. Tỷ giá quy đổi sang USD: theo trung bình tỷ giá mua/bán đóng cửa ngày làm việc cuối cùng của Quý của ngoại tệ tương ứng theo Reuters

Mục I: Báo cáo tình hình ký cho vay mới phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 5: quy nghìn USD theo trung bình tỷ giá mua/bán đóng cửa ngày làm việc cuối cùng của Quý của ngoại tệ tương ứng theo Reuters.

Cột 6: Thời hạn cho vay tính theo quy định tại Thỏa thuận cho vay, làm tròn đến đơn vị tháng

Cột 7: Thời hạn trả nợ gốc và/hoặc nợ lãi cuối cùng

Cột 8: Lãi suất cho vay ghi theo thỏa thuận cho vay. Trường hợp cấu trúc lãi suất lựa chọn theo Thỏa thuận phức tạp, ghi lãi suất ước tính vào thời điểm ký hợp đồng

Mục II: Báo cáo tình hình thực hiện các khoản cho vay trong quý báo cáo

Báo cáo theo từng khoản cho vay, liệt kê các khoản cho vay theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản cho vay, quy nghìn USD

Cột 4: Tổng số dư cho vay nước ngoài đầu kỳ báo cáo (bao gồm cả số quá hạn).

Cột 5: Số dư cho vay nước ngoài quá hạn (khách hàng vay chưa trả theo cam kết) đầu kỳ báo cáo.

Cột 9: Tương tự cột 4, số cuối kỳ. $Cột\ 9 = cột\ (4 + 6 - 7)$

Cột 10: Tương tự cột 5, số cuối kỳ báo cáo.

Mục III: Báo cáo Dự kiến tình hình thực hiện khoản cho vay kỳ tiếp theo

Báo cáo theo từng khoản cho vay, liệt kê các khoản cho vay theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản cho vay, quy nghìn USD

Số quy USD được quy đổi tại tỷ giá theo quy định tại điểm 4 Hướng dẫn chung

TÊN BÊN CHO VAY**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY, THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI
NĂM****I/ Tình hình ký kết các khoản cho vay nước ngoài trong năm báo cáo:**

Báo cáo bằng lời theo các tiêu chí: phân loại đồng tiền, quốc gia vay, lĩnh vực đầu tư

Các khó khăn và thuận lợi trong việc ký kết các khoản cho vay nước ngoài

II/ Tình hình thực hiện các khoản cho vay trong năm báo cáo:

Đơn vị: Nghìn nguyên tệ

STT	Cho vay phân loại theo ngoại tệ	Số tiền cho vay	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ			Cuối kỳ	
			Dư đầu kỳ	Quá hạn	Giải ngân	Thu hồi nợ gốc	Thu hồi nợ lãi	Dư cuối kỳ	Quá hạn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cho vay bằng USD								
	Cho vay bằng JPY								
	Cho vay bằng EUR								
	Cho vay bằng								
	Tổng quy nghìn USD								

* Ghi chú: Báo cáo tổng hợp theo từng đồng tiền, không báo cáo chi tiết cho từng khoản cho vay

Các khó khăn và thuận lợi trong việc thực hiện các khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

Giải trình nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, các giải pháp đã triển khai để giảm thiểu nợ quá hạn.

III/ Kiến nghị (nếu có):

, ngày tháng năm
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC
KINH TẾ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Phụ lục số 6

TÊN BÊN BẢO LÃNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....

V/v Báo cáo khoản bảo lãnh

BÁO CÁO KHOẢN BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ

Kính gửi:

Căn cứ vào Thông tư số / /TT-NHNN ngày / / của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú và các văn bản sửa đổi, bổ sung – (nếu có)

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày / / (áp dụng với Bên bảo lãnh là tổ chức kinh tế);

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày / / , Thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [Tên Bên được bảo lãnh] ngày / /

[Tên Bên bảo lãnh hoặc Đại diện Bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài] báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về khoản bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên bảo lãnh (hoặc Đại diện Bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

1. Tên Bên bảo lãnh:

2. Loại hình tổ chức:

3. Địa chỉ:

4. Điện thoại:

Email:

5. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:

6. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp...) số do cấp ngày

7. Danh sách các Bên bảo lãnh và số tiền bảo lãnh (áp dụng với khoản đồng bảo lãnh cho người không cư trú: Theo Bảng A - kèm theo Đơn này.

II. Thông tin về Bên được bảo lãnh:

1. Tên Bên được bảo lãnh:

2. Quốc tịch:

3. Loại hình tổ chức:

4. Một số thông tin liên quan khác;

- Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:

- Tổng vốn đầu tư theo Giấy phép thành lập Bên được bảo lãnh (nếu có):

- Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của công đồng Việt Nam tại Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp nước ngoài (trong trường hợp Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp do Bên bảo lãnh tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp).

II. Thông tin về Bên nhận bảo lãnh:

1. Tên Bên nhận bảo lãnh:

2. Quốc tịch:

3. Loại hình tổ chức:

4. Số tài khoản ngân hàng (được giao dịch liên quan đến khoản bảo lãnh)

5. Một số thông tin liên quan khác (nếu có):

III. Thông tin về các Bên liên quan khác (nếu có)

Ghi rõ tên, địa chỉ, loại hình của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN BẢO LÃNH

1. Mục đích bảo lãnh:

2. Dự án, phương án liên quan đến khoản bảo lãnh:

3. Ngày bắt đầu có hiệu lực bảo lãnh:

4. Số tiền bảo lãnh:

(Trường hợp đồng bảo lãnh, ghi rõ số tiền mỗi bên bảo lãnh sẽ bảo lãnh)

5. Đồng tiền bảo lãnh:

6. Ngày hết hiệu lực hoặc trường hợp hết hiệu lực của bảo lãnh:

7. Hình thức bảo đảm (nếu có):

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BẢO LÃNH/

ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

Phụ lục số 7

TÊN BÊN BẢO LÃNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BẢO LÃNH, THU HỒI NỢ BẢO LÃNH CHO
NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ
NĂM**

I/ Tình hình ký kết các khoản bảo lãnh cho người không cư trú trong năm báo cáo:

Báo cáo bằng lời theo các tiêu chí: phân loại đồng tiền, quốc gia vay, lĩnh vực đầu tư

Các khó khăn và thuận lợi trong việc ký kết các khoản cho vay nước ngoài

II/ Tình hình thực hiện bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh trong năm báo cáo:

Đơn vị: Nghìn nguyên tệ

STT	Bảo lãnh theo ngoại tệ	Hạn mức bảo lãnh	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ			Cuối kỳ	
			Dư đầu kỳ	Quá hạn	Số tiền phải thực hiện bảo lãnh	Thu hồi nợ bảo lãnh (gốc)	Thu hồi nợ bảo lãnh (lãi)	Dư cuối kỳ	Quá hạn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	bằng USD								
	bằng JPY								
	bằng EUR								
	bằng								
	Tổng quy nghìn USD								

*Ghi chú: Báo cáo tổng hợp theo từng đồng tiền, không báo cáo chi tiết cho từng khoản cho vay

Các khó khăn và thuận lợi trong việc thực hiện các khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

Giải trình nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, các giải pháp đã triển khai để giảm thiểu nợ quá hạn.

III/ Kiến nghị (nếu có):

, ngày tháng năm
**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ
CHỨC KINH TẾ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Bảo lãnh bằng [ngoại tệ]									
Tổng bảo lãnh bằng [ngoại tệ]									
Tổng bảo lãnh bằng [ngoại tệ] quy USD									
Tổng bảo lãnh quy USD									

III/ Dự kiến tình hình thực hiện bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh kỳ tiếp theo (Tháng/.....):

Đơn vị: Nghìn nguyên tệ

STT	Bên được bảo lãnh	Hạn mức bảo lãnh	Đồng tiền	Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (nguyên tệ)			Dự kiến phát sinh trong kỳ tới (quy USD)		
				Số tiền phải thực hiện bảo lãnh	Thu hồi nợ bảo lãnh (gốc)	Thu hồi nợ bảo lãnh (lãi)	Số tiền phải thực hiện bảo lãnh	Thu hồi nợ bảo lãnh (gốc)	Thu hồi nợ bảo lãnh (lãi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng Quy USD								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thông tin liên hệ:

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU**Hướng dẫn chung**

1. Đối tượng báo cáo: Tổ chức kinh tế phải chuyển tiền ra nước ngoài để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho người không cư trú
2. Thời hạn báo cáo: chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo
3. Đơn vị báo cáo: Nghìn nguyên tệ hoặc quy nghìn USD
4. Tỷ giá quy đổi sang USD: theo trung bình tỷ giá mua/bán đóng cửa ngày làm việc cuối cùng của Quý của ngoại tệ tương ứng theo Reuters

Mục I: Báo cáo tình hình ký cho vay mới phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 5: quy nghìn USD theo trung bình tỷ giá mua/bán đóng cửa ngày làm việc cuối cùng của Quý của ngoại tệ tương ứng theo Reuters.

Cột 6: Số tiền tổ chức kinh tế đã chuyển ra nước ngoài để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Cột 7: Ngày chuyển tiền ra nước ngoài thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Cột 8: Số nợ cần thu hồi từ người không cư trú là bên được bảo lãnh sau khi đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Cột 9: Lãi suất áp dụng cho khoản nợ cần thu hồi từ người không cư trú là bên được bảo lãnh

Mục II: Báo cáo tình hình thu hồi nợ trong tháng báo cáo

Báo cáo theo từng khoản thu hồi nợ phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (theo từng thỏa thuận bảo lãnh), liệt kê các khoản thu hồi nợ theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản thu hồi nợ bảo lãnh, quy nghìn USD

Cột 4: Tổng số dư của các khoản thu hồi nợ bảo lãnh (bao gồm cả số quá hạn), là số chênh lệch giữa số tiền Tổ chức kinh tế đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và số tiền nhận thanh toán từ bên được bảo lãnh là người không cư trú tại thời điểm báo cáo.

Cột 5: Số dư khoản thu hồi nợ bảo lãnh quá hạn (bên được bảo lãnh chưa trả theo cam kết) đầu kỳ báo cáo.

Cột 9: Tương tự cột 4, số cuối kỳ. $Cột\ 9 = cột\ (4 + 6 - 7)$

Cột 10: Tương tự cột 5, số cuối kỳ báo cáo.

Mục III: Báo cáo Dự kiến tình hình thực hiện bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh kỳ tiếp theo

Báo cáo theo từng khoản bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh liệt kê các khoản bảo lãnh (theo từng thỏa thuận bảo lãnh) theo USD, rồi đến các ngoại tệ khác, quy USD tại cuối mỗi loại ngoại tệ, dòng cuối cùng tính tổng tất cả các khoản bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh quy nghìn USD

Số quy USD được quy đổi tại tỷ giá theo quy định tại điểm 4 Hướng dẫn chung



(Ban hành kèm theo Thông tư số **17**.../TT-NHNN ngày **19** tháng **5**. năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục 1	Đơn đề nghị cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài
Phụ lục 2	Đơn đề nghị cấp quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài
Phụ lục 3	Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của.....(tên tổ chức)
Phụ lục 4	Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của....(tên tổ chức) lần thứ...
Phụ lục 5	Báo cáo tình hình hoạt động tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài
Phụ lục 6	Quyết định thu hồi Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài/Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

Phụ lục 1

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI
TỆ Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước

(.....)¹

Mã số doanh nghiệp/ số Quyết định thành lập.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):.....

Cơ quan cấp:.....ngày

Tên tổ chức:.....

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Lĩnh vực kinh doanh :.....

Trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (nếu có):.....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp Giấy phép được mở tài khoản ngoại
tệ ở nước ngoài.

Số lượng tài khoản:(loại ngoại tệ tương ứng)².....

Ngân hàng:.....

¹ Ghi rõ gửi Cục Quản lý ngoại hối hoặc NHNN chi nhánh khu vực (theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này)

² Trường hợp mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay, thực hiện các cam kết với bên nước ngoài theo quy định tại điểm khoản 4 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-NHNN mỗi tài khoản lập 1 Đơn riêng.

Địa chỉ:.....

Quốc gia:

Mục đích mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (nêu rõ lý do cần thiết mở tài khoản)³ :.....

Dự kiến chi tiết các nguồn thu, chi trên mỗi tài khoản:

- Dự kiến nguồn thu:.....

- Dự kiến nguồn chi:

Thời gian sử dụng tài khoản ở nước ngoài:.....

Số tiền cần chuyển hàng năm / Hạn mức số dư tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài:

.....

Ngân hàng chuyển tiền tại Việt Nam:.....

Các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

(Đối với việc xin mở tài khoản và chuyển tiền để thực hiện cam kết đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, trong trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phép, tổ chức phải cam kết đóng tài khoản và chuyển số tiền đã được NHNN cho phép chuyển ra nước ngoài về nước).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), các quy định quản lý ngoại hối hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.

Hồ sơ gửi kèm:..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

Ký tên, đóng dấu

³ Tổ chức báo cáo chi tiết sự cần thiết phải mở tài khoản như: Tài khoản được mở theo quy định tại Điều/Khoản ... của Thỏa thuận về tài khoản số... ký ngày... và các giấy tờ có liên quan khác chứng minh mục đích mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài...

9

Phụ lục 2

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MỞ
VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước

(.....)¹

Mã số doanh nghiệp/ số Quyết định thành lập:.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):.....

Cơ quan cấp:.....ngày.....

Tên tổ chức:.....

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (nếu có):.....

Số Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước cấp: :.....ngày:

Đã được cấp các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép số..... ngày.....(nếu có)²

¹ Ghi rõ gửi Cục Quản lý ngoại hối hoặc NHNN chi nhánh khu vực (theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này)

² Tổ chức liệt kê đầy đủ các Quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép.

Nội dung sửa đổi

Nội dung tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung với Ngân hàng Nhà nước:

.....

Lý do sửa đổi¹.....

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-NHNN, các thông tư sửa đổi, bổ sung (nếu có), các quy định quản lý ngoại hối hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.

Hồ sơ gửi kèm:..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký và đóng dấu)

¹ Tổ chức báo cáo chi tiết các lý do sửa đổi như: sự cần thiết phải sửa đổi Giấy phép theo quy định tại điều, khoản... tại Thỏa thuận....

Phụ lục 3

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁷

Số: /GP-...

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

**Mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của.....(tên tổ chức)
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC KHU VỰC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức và các thông tư sửa đổi, bổ sung;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của (tên tổ chức)..... số..... ngày..... kèm theo các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng.....

QUYẾT ĐỊNH:

⁷ Ghi rõ Cục Quản lý ngoại hối hoặc NHNN chi nhánh khu vực (theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này)

1. Cho phép (tên tổ chức).....
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/.....số.....
 - Số định danh của tổ chức (nếu có).....
 - Trụ sở chính:..... được mở tài khoản ngoại tệ (loại ngoại tệ) tại ngân hàng nước ngoài:
 - Ngân hàng:.....
 - Địa chỉ:.....
 - Quốc gia:.....
 2. Mục đích sử dụng của tài khoản:.....
 3. Nội dung thu, chi của tài khoản:
 - a) Nội dung thu:.....
 - b) Nội dung chi:.....
 4. Hạn mức chuyển ngoại tệ vào tài khoản ở nước ngoài (Hạn mức số dư tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài);.....
 5. Thời hạn sử dụng tài khoản ở nước ngoài:.....
 6. Ngân hàng chuyển tiền tại Việt Nam (Trường hợp mở tài khoản phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện ở nước ngoài, thực hiện hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài):.....
- Ngân hàng mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng ngoại tệ hoặc tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam (Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ, doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài):.....
7. Các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

Điều 2:

1. (tên tổ chức)... phải sử dụng tài khoản nói trên theo đúng mục đích quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép, (tên tổ chức)... phải đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản (nếu có) về nước, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý Ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..... (nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài có văn bản từ chối không cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con (Tên tổ chức) phải chuyển về nước số tiền đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định

này sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan đến việc mở, đóng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (Trường hợp xin mở tài khoản và chuyển tiền để thực hiện cam kết đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài).

2. Trường hợp (tên tổ chức)... có nhu cầu điều chỉnh bất kỳ nội dung nào tại Điều 1 Giấy phép này, (tên tổ chức)... phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, (tên tổ chức)... phải gửi báo cáo tình hình hoạt động của tài khoản về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....(nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

Điều 3:

Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của...(tên tổ chức) có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ(để b/c);
- Cục QLNH hoặc NHNN chi nhánh Khu vực.. (để p/h);
- TCTD (để p/h);
- Lưu VT,...

**CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC NHNN
KHU VỰC....**

Phụ lục 4

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

.....¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- ...

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài
của....(tên tổ chức) lần thứ...**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC KHU VỰC.....**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức và các thông tư sửa đổi, bổ sung;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của (tên tổ chức)..... số..... ngày..... kèm theo các hồ sơ liên quan;

¹ Ghi rõ Cục Quản lý ngoại hối hoặc NHNN chi nhánh khu vực (theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này)

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Các nội dung.....tại Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của.....(tên tổ chức) số ... ngày ... được sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

Điều 2:

Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của...(tên tổ chức) có hiệu lực kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ(để b/c);
- Cục QLNH hoặc NHNN chi nhánh Khu vực.. (để p/h);
- TCTD (để p/h);
- Lưu VT,

**CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC NHNN
KHU VỰC....**

Phụ lục 5

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng.... năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC
NGOÀI**

(Báo cáo Quý năm)

Kính gửi:- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi tổ chức đặt trụ sở chính)

Tên tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị:.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo Giấy phép số:ngày tháng..... năm;
Quyết định sửa đổi, bổ sung số.....ngày.....tháng.....năm;

Mục đích mở tài khoản (ghi đầy đủ mục đích trong Quyết định):.....

Tên ngân hàng mở tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài:.....

Tên ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền tại Việt Nam:.....

Thời hạn sử dụng tài khoản:.....

Ngày mở tài khoản:.....Số tài khoản:.....

Loại ngoại tệ báo cáo:.....

Tổng số tiền đã chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài trong quý báo cáo:.....

Đơn vị:

Chỉ tiêu	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngoại tệ mở tài khoản	Quy USD	

I. Dư đầu kỳ			
II. Phát sinh trong kỳ (II= 1 - 2)			
1. Tổng thu:			
...			
2. Tổng chi:			
....			
III. Dư cuối kỳ (III= I+II)			

Tổng số tiền đã chuyển về Việt Nam trong quý báo cáo (nếu có):.....

* Cột chi tiêu: Ghi chi tiết nội dung thu, chi trên tài khoản. Ví dụ nhận tiền từ tài khoản trong nước chuyển sang sẽ được ghi nhận dưới phần Tổng thu, thanh toán tiền thuê văn phòng đại diện sẽ được ghi nhận dưới phần Tổng chi.

Người lập bảng

Kiểm soát

....., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký và đóng dấu)

Phụ lục 6

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹

Số: /QĐ-...

Hà Nội, ngày Tháng.... Năm....

QUYẾT ĐỊNH THU HỒI

Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài/Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC KHU VỰC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức và các thông tư sửa đổi, bổ sung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy phép số.....ngàytháng..... năm..... và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) đã cấp cho tổ chức...(tên tổ chức).

¹ Ghi rõ Cục Quản lý ngoại hối hoặc NHNN chi nhánh khu vực (theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:

1. Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước (nếu có);
2. Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;
3. Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

Điều 3: ...(tên tổ chức) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- Cục QLNH hoặc NHNN chi nhánh Khu vực (để p/h);
- TCTD (để p/h);
- Lưu VP,

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC NHNN KHU VỰC....

]

g